

Đơn vị : Trường Mầm Non 7/5

Mã QHNS:1031114

Mẫu số C02- HD

(Theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG,
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG**

Tháng 06 năm 2025

Mức lương cơ bản: 2.340.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã ngạch lương	Lương hệ số										Các khoản trừ vào lương						Số thực lĩnh
				Hệ số lương	Hệ.s PC chức vụ	Hệ số phụ cấp khác						Cộng hệ số	Thành tiền	BHXH trả thay	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng		
						Khu vực	TN	PC V.kh		PC thâm niên									PC ưu đãi ngành 50%	
								Hệ số	%	Hệ số										
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nguyễn Thị Phúc	HT	V.07.02.25	4,98	0,50	0,5		10%	0,498	33%	1,973	2,99	11,440	26.768.992		1.488.379	279.071	186.047	1.953.497	24.815.495
2	Nguyễn Thị Lý	HP	V.07.02.25	4,98	0,35	0,5		8%	0,398	27%	1,547	2,86	10,639	24.895.887		1.361.893	255.355	170.237	1.787.484	23.108.403
3	Nguyễn Thị Huyền	HP	V.07.02.25	4,98	0,35	0,5		8%	0,398	35%	2,005	2,86	11,098	25.968.244		1.447.681	271.440	180.960	1.900.082	24.068.162
4	Vũ Thị Hiền	GV	V.07.02.26	4,89		0,5		12%	0,587	38%	2,081	2,74	10,796	25.263.539		1.414.855	265.285	176.857	1.856.997	23.406.542
5	Nguyễn Thị Vân Anh	GV	V.07.02.25	4,98		0,5				20%	0,996	2,49	8,966	20.980.440		1.118.707	209.758	139.838	1.468.303	19.512.137
6	Đỗ Thị Thu Hiền	GV	V.07.02.25	4,98		0,5		5%	0,249	24%	1,255	2,61	9,598	22.460.396		1.213.797	227.587	151.725	1.593.109	20.867.287
7	Đỗ Thị Bích Hương	GV	V.07.02.25	4,98		0,5				26%	1,295	2,49	9,265	21.679.632		1.174.643	220.245	146.830	1.541.718	20.137.914
8	Trịnh Thị Tuyết	GV	V.07.02.25	4,98	0,15	0,5		6%	0,299	23%	1,249	2,71	9,892	23.146.868		1.250.014	234.378	156.252	1.640.643	21.506.225
9	Lê Thị Thơ	GV	V.07.02.25	4,98	0,20	0,5				24%	1,243	2,59	9,513	22.260.888		1.202.423	225.454	150.303	1.578.180	20.682.708
10	Khúc Thị Hương	GV	V.07.02.25	4,65		0,5				24%	1,116	2,33	8,591	20.102.940		1.079.395	202.387	134.924	1.416.706	18.686.234
11	Ngô Thị Mai	GV	V.07.02.25	4,32	0,15	0,5				20%	0,894	2,24	8,099	18.951.660		1.004.141	188.276	125.518	1.317.935	17.633.725
12	Nguyễn Thị Hoài	GV	V.07.02.25	4,32	0,20	0,5				21%	0,949	2,26	8,229	19.256.328		1.023.834	191.969	127.979	1.343.782	17.912.546
13	Lê Thị Thanh Huyền	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				19%	0,758	2,00	7,243	16.948.854		888.844	166.658	111.106	1.166.608	15.782.246
14	Nguyễn Thị Bích	GV	V.07.02.26	3,96		0,5				19%	0,752	1,98	7,192	16.830.216		882.161	165.405	110.270	1.157.837	15.672.379

	Lương Hợp Đồng																			
40	Trần Minh Hương	BV	01.005										3.860.000		308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700	
41	Ng Trinh Tuấn Minh	BV	01.005										3.860.000		308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700	
Cộng													7.720.000		617.600	115.800	77.200	810.600	6.909.400	
Cộng tổng				164,09	2,45	19,5	0,1		2,99	0,00	33,14	80,45	302,72	716.078.222	-	38.555.999	7.229.250	4.819.500	50.604.749	665.473.473

Tổng số tiền (bằng chữ): Sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng chẵn

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)


Lường Thu Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Lường Thu Hằng

Ngày 03 tháng 06 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)


Nguyễn Thị Phúc